

Bản án số: 12/2024/DS-PT

Ngày: 05/3/2024

V/v "Tranh chấp

hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trúc Lâm;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Chịu và bà Vũ Ngọc Hà.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:**
Bà Nguyễn Thị Tú Vương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 8 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2023/DS-ST ngày 07/6/2023 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 139/2023/QĐPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa ngày 16/11/2023 và Thông báo thời gian mở phiên tòa số 28/TB-TDS ngày 22/02/2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Võ Hồng N, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Khu phố Phước Lâm, phường Hòa Hiệp Bắc, thị xã D, tỉnh Phú Yên; có mặt.

2. **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Khu phố Phú Hiệp 2, phường H, thị xã D, tỉnh Phú Yên; xin vắng mặt.

3. **Người kháng cáo:** Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Hồng N trình bày:

Bà N và bà Nguyễn Thị Ngọc P là chỗ làm ăn quen biết, bà P có vay tiền nhiều lần của bà N với tổng số tiền nợ là 13.250.000.000đồng, cụ thể:

- Ngày 26/6/2020 bà P có vay bà N số tiền 200.000.000đồng; Ngày 04/8/2020 bà P có vay bà N số tiền 900.000.000đồng; Ngày 11/8/2020 bà P có

vay bà N số tiền 200.000.000đồng; Ngày 08/9/2020 bà P có vay bà N số tiền 100.000.000đồng; Ngày 16/11/2020 bà P có vay bà N số tiền 300.000.000đồng;

- Ngày 11/3/2021 bà P có vay bà N số tiền 1.000.000.000đồng; Ngày 01/4/2021 bà P có vay bà N số tiền 300.000.000đồng; Ngày 28/4/2021 bà P có vay bà N số tiền 200.000.000đồng; Ngày 08/6/2021 bà P có vay bà N số tiền 200.000.000đồng; Ngày 24/6/2021 bà P có vay bà N số tiền 300.000.000đồng;

- Ngày 30/6/2021 bà P có vay bà N số tiền 700.000.000đồng; Ngày 13/7/2021 bà P có vay bà N số tiền 500.000.000đồng; Ngày 21/9/2021 bà P có vay bà N số tiền 1.290.000.000 đồng; Ngày 01/10/2021 bà P có vay bà N số tiền 910.000.000đồng; Ngày 07/10/2021 bà P có vay bà N số tiền 1.000.000.000đồng; Ngày 17/11/2021 bà P có vay bà N số tiền 750.000.000đồng;

- Ngày 08/8/2022 bà P có vay bà N số tiền 3.000.000.000đồng; Ngày 15/8/2022 bà P có vay bà N số tiền 800.000.000đồng; Ngày 14/10/2022 bà P có mượn bà N số tiền 600.000.000đồng.

Những lần vay tiền bà P đều là người viết và ký xác nhận nợ vào các giấy vay tiền và cam kết sẽ trả lại số tiền vay khi bà N yêu cầu. Sau khi vay tiền, bà N nhiều lần yêu cầu P trả lại số tiền đã vay nhưng bà P không trả. Nay bà N khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc P phải trả số tiền 13.250.000.000đồng và yêu cầu tính lãi theo lãi suất nhà nước quy định 10%/năm cho đến khi trả xong nợ gốc.

Ngoài ra, yêu cầu tiếp tục duy trì các Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2023/QĐ-BPKCTT ngày 06 tháng 3 năm 2023 và Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2023/QĐ-BPKCTT ngày 08 tháng 3 năm 2023 “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của bà P.

Quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản hòa giải ngày 13/3/2023 bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc P trình bày:

Bà P “thừa nhận có vay tiền của bà Võ Hồng N nhiều lần, mỗi lần mượn tiền thì bà P là người ký và viết giấy mượn tiền, mục đích mượn tiền làm ăn kinh doanh. Khi mượn tiền hai bên có thỏa thuận lãi, tuy nhiên hai bên chỉ thỏa thuận miệng chứ không có ghi văn bản. Hiện nay bà N yêu cầu bà P trả số tiền nợ 13.250.000.000đồng thì bà P không đồng ý, nhưng thừa nhận còn nợ tiền bà N và sẽ đối chiếu lại số nợ trên. Về các tài liệu chứng cứ liên quan đến việc vay, trả tiền thì đề nghị sẽ cung cấp sau để Tòa án xem xét giải quyết theo quy định”...

Tại phiên tòa ngày 10/5/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc P giao, nộp các tài liệu là bản in sao kê Ngân hàng (gồm Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội; Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam và Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh) giao dịch chuyển khoản giữa bà P với ông Mai Văn D (chồng bà N); các tin nhắn chuyển khoản và các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền

với đất (tài liệu bản photo) và đề nghị tạm dừng phiên tòa xem xét các tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp.

Trong quá trình tạm ngừng phiên tòa, Tòa án đã triệu tập các đương sự làm việc liên quan đến các tài liệu, chứng cứ của bị đơn giao nộp vào ngày 16/5/2023. Tuy nhiên bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc P vắng mặt không có lý do.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/5/2023, ông Mai Văn D trình bày:

“Giữa tôi (D) và bà Nguyễn Thị Ngọc P là chỗ làm ăn quen biết, bà P nhiều lần mượn tiền của tôi để đảo vốn đảo hạn Ngân hàng, khi nào bà P cần và hỏi mượn thì tôi chuyển khoản cho bà P mượn tiền, ngoài ra không có khi nào nhận tiền mặt. Hiện nay bà P cho rằng tôi có liên quan đến việc bà P mượn tiền của bà Võ Thị Hồng N tôi có ý kiến như sau: Tôi chỉ cho bà P mượn tiền để đảo vốn đảo hạn Ngân hàng, dưới hình thức chuyển khoản có xác nhận bằng tin nhắn của hai bên. Việc bà P vay tiền của bà N theo các giấy vay, mượn tiền bà P viết và ký tên thì tôi không liên quan đến các khoản tiền này. Đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật”.

Tại biên bản về việc đương sự vắng mặt tại buổi làm việc ngày 16/5/2023, bà Võ Hồng N có ý kiến trình bày: “Đối với các tài liệu bà P giao nộp các chứng từ sao kê chuyển khoản giữa bà P và ông D thì tôi không biết và cũng không liên quan đến việc tôi khởi kiện theo các giấy hợp đồng vay tiền mà bà P đã vay và viết giấy vay tiền cho tôi”...

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2023/DS-ST ngày 07/6/2023 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Phú Yên đã căn cứ vào: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 357 và khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc P phải trả cho nguyên đơn bà Võ Hồng N số tiền tổng cộng: 14.877.400.000đồng (nợ gốc: 13.250.000.000đồng và tiền lãi: 1.627.400.000đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, nếu bị đơn chưa thanh toán xong khoản tiền nói trên thì phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thanh toán xong.

2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2023/QĐ-BPKCTT ngày 06 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Phú Yên về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ, gồm: Diện tích đất 90,7m² (trong đó 60m² đất ở đô thị và 30,7m² đất trồng cây hàng năm khác) thuộc thửa đất số 510, tờ bản đồ 12 tại địa chỉ khu phố P, phường H, thị xã D, tỉnh Phú Yên. (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CU 685693, số vào sổ CS 09538 được Sở Tài nguyên và môi trường

tỉnh Phú Yên cấp ngày 26/8/2020, bà Nguyễn Thị Ngọc P nhận chuyển nhượng theo hồ sơ số 009460.CN.002 ngày 23/3/2021).

3. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2023/QĐ-BPKCTT ngày 08 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Phú Yên về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ, gồm: Diện tích đất 196m² đất ở đô thị, thuộc thửa đất số 427, tờ bản đồ 69-D tại địa chỉ khu phố P, phường H, thị xã D, tỉnh Phú Yên. (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AN 552171, số vào sổ H00615 được UBND huyện D (nay là thị xã D) cấp ngày 31/8/2008, bà Nguyễn Thị Ngọc P nhận chuyển nhượng theo hồ sơ số CN.003 ngày 01/11/2021).

4. Hoàn trả cho nguyên đơn bà Võ Hồng N số tiền 100.000.000đồng thực hiện biện pháp bảo đảm trong tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – chi nhánh thị xã D (Tiết kiệm có kỳ hạn số: 11667415; tên khách hàng Võ Hồng N) khi bản án có hiệu lực pháp luật.

5. Hoàn trả cho nguyên đơn bà Võ Hồng N số tiền 100.000.000đồng thực hiện biện pháp bảo đảm trong tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – chi nhánh thị xã D (Tiết kiệm có kỳ hạn số: 11667422; tên khách hàng Võ Hồng N) khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 03/7/2023 bị đơn Nguyễn Thị Ngọc P kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm, với lý do Bị đơn có thể cung cấp các chứng cứ là các đoạn ghi âm việc cho vay lãi cao và thu lợi nhiều tỷ đồng của vợ chồng Nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã thực đầy đủ các quyền của mình theo quy định pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2023/DS-ST ngày 07/6/2023 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Phú Yên; giao hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến trình bày của các đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của Bị đơn còn trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên đủ điều kiện để thụ lý, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn kháng cáo và có văn bản đề nghị xét xử vắng

mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt Bị đơn.

[2] Về nội dung:

Tại Bản tự khai đề ngày 23/2/2024, Bị đơn trình bày: “Trong đơn kháng cáo tôi có nêu tôi sẽ cung cấp cho Tòa phúc thẩm các chứng cứ là các đoạn ghi âm, tin nhắn zalo, tin nhắn thoại để chứng minh cho vay lãi cao và thu lợi bất chính của bà N được lưu trữ trong hai điện thoại Samsung và Iphone đang bị Cơ quan điều tra tỉnh Phú Yên thu giữ. Đề nghị Tòa án trích xuất tài liệu trong hai điện thoại”. Như vậy, tại cấp sơ thẩm Bị đơn chưa cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ để chứng minh quá trình vay tiền giữa hai bên có lãi và có liên quan đến ông Mai Văn D, số tiền thực chất bà P còn nợ là bao nhiêu. Đây là tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa phúc thẩm nên cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị đơn và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị hủy án sơ thẩm để đưa ông Mai Văn D vào tham gia tố tụng với địa vị Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan để tiến hành đối chất giữa các bên làm rõ có hay không có việc bà P trả tiền cho bà N qua tài khoản của ông Mai Văn Đạt, số tiền thực bà P còn nợ của bà P là bao nhiêu.

[3] Về án phí: Bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc P. Hủy Bản án sơ thẩm số: 10/2023/DS-ST ngày 07/6/2023 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Phú Yên. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã D xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả lại cho bà P số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai số 0006972 ngày 04/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh Phú Yên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- TAND Tx. D;
- Chi cục THADS Tx. D;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn, KTNV, TT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Trúc Lâm